

Họ và tên:

Môn: Toán 6 - Kết nối tri thức

Lớp: 6.....

Thời gian: 90 phút**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm).** Học sinh làm bài trực tiếp vào đề kiểm tra.**Phần 1 (1,0 điểm).** Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng.**Câu 1.** Số đối của số 14 là

A. -14

B. 14

C. 41

D. -41

Câu 2. Tập hợp tất cả các số nguyên là ước của 5 là:A. $\{1; 5\}$ B. $\{-1; -5\}$ C. $\{0; 1; 5\}$ D. $\{-1; 1; -5; 5\}$ **Câu 3.** Cho bảng sau biểu thị nhiệt độ một số thành phố ở cùng một thời điểm:

Thành phố	Nhiệt độ
Hà Nội	18°C
Bắc Kinh	-3°C
Moscow	-13°C
Washington D.C	5°C

Thành phố nào có nhiệt độ thấp nhất là:

A. Hà Nội

B. Bắc Kinh

C. Moscow

D. Washington D.C

Câu 4. Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?

Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Phần 2 (0,5 điểm). Câu hỏi trắc nghiệm đúng, sai. Trong câu 5, mỗi ý a), b), c), d) học sinh ghi Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống.**Câu 5.** Cho hình thoi ABCD có hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.☐

a) Hai đường chéo AC và BD vuông góc với nhau

☐

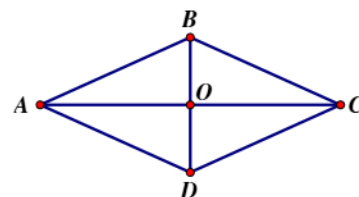
b) Hình thoi ABCD có 4 trục đối xứng.

☐

c) Diện tích của hình thoi ABCD bằng tích độ dài của hai đường chéo AC và BD.

☐

d) Chu vi hình thoi bằng độ dài một cạnh nhân với 4.

**Phần 3 (0,5 điểm).** Câu hỏi trả lời ngắn. Học sinh điền đáp án câu 6-7 mà không cần trình bày lời giải.**Câu 6.** Khi bỏ dấu ngoặc trong biểu thức: $2025 - (5 - 9 + 2026)$ ta được biểu thức:

Trả lời:

Câu 7. Tổng tất cả các số nguyên x thỏa mãn $-3 \leq x < 5$ là:

Trả lời:

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $(-125) + 15 + 125$

b) $(-25).64 + 36.(-25)$

c) $3^5 : 3^2 + (-25).(-4)$

d) $500 : \{150 - [8^2 + 7.(-2)]\}$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm số nguyên x , biết:

a) $x - 12 = -7$

b) $16 : x - 2 = 6$

c) $(x - 1).(3x + 6) = 0$

Bài 3. (2,0 điểm)

1. Trong một ngày nhiệt độ Bắc Kinh lúc 7 giờ là -10°C , đến 12 giờ tăng thêm 6°C , và lúc 20 giờ lại giảm 5°C so với thời điểm 12 giờ. Hỏi nhiệt độ ở Bắc Kinh lúc 20 giờ là bao nhiêu?

2. Trong một đợt quyên góp sách để ủng hộ các bạn học sinh nghèo, lớp 6A thu được khoảng từ 150 đến 200 quyển sách. Biết rằng khi xếp số sách đó theo từng bó 10 quyển, 12 quyển hay 15 quyển thì đều vừa đủ bó. Hỏi các bạn học sinh lớp 6A đã quyên góp được bao nhiêu quyển sách?

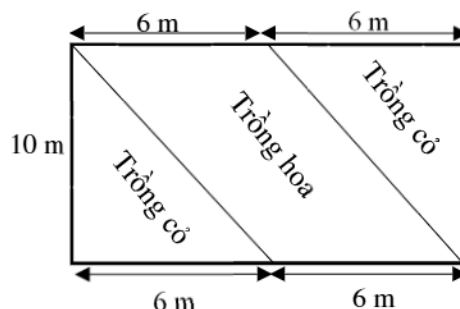
Bài 4. (2,0 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 12m, chiều rộng 10m. Người ta chia mảnh đất thành hai khu, một khu trồng hoa và một khu trồng cỏ. Hoa sẽ trồng trong khu vực hình bình hành và cỏ trồng ở phần đất còn lại (như hình vẽ).

a) Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật.

b) Tính diện tích trồng hoa.

c) Tính số tiền cần trả để trồng cỏ, biết giá mỗi mét vuông trồng cỏ là 30 000 đồng?



Bài 5. (0,5 điểm) Cho $A = 1 + 2 + 2^2 + \dots + 2^{2024} + 2^{2025}$ và $B = 2^{2026}$

Chứng minh: A và B là hai số tự nhiên liên tiếp.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN HỌC KỲ I - LỚP 6- KẾT NỐI TRI THỨC
NĂM HỌC 2025 – 2026

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm).

Phần 1. (1,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	D	C	C

Phần 2. (0,5 điểm) Trả lời đúng 1 ý được 0,1 điểm; đúng 2 ý được 0,2 điểm; đúng 3 ý được 0,3 điểm; đúng 4 ý được 0,5 điểm.

Câu 5. a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Phần 3. (0,5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 6. 2025 - 5 + 9 - 2026

Câu 7. 4

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài	Ý	Đáp án	Điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a	$\begin{aligned} & (-125) + 15 + 125 \\ & = [(-125) + 125] + 15 \\ & = 0 + 15 \\ & = 15 \end{aligned}$	0,25 0,25
	b	$\begin{aligned} & (-25).64 + 36.(-25) \\ & = (-25).(64 + 36) \\ & = -25.100 \\ & = -2500 \end{aligned}$	0,25 0,25
	c	$\begin{aligned} & 3^5 : 3^2 + (-25).(-4) \\ & = 3^3 + (-25).(-4) \\ & = 27 + 100 \\ & = 127 \end{aligned}$	0,25 0,25
	d	$\begin{aligned} & 500 : \{150 - [8^2 + 7.(-2)]\} \\ & = 500 : \{150 - [64 + (-14)]\} \\ & = 500 : \{150 - 50\} \\ & = 500 : 100 \\ & = 5 \end{aligned}$	0,25 0,25
Bài 2 (1,5 điểm)	a	Tính được $x = 5$	0,5

	b	$16 : x - 2 = 6$ $16 : x = 6 + 2$ $16 : x = 8$ $x = 16 : 8$ $x = 2$	0,25 0,25
	c	$(x-1).(3x+6) = 0$ nên $x-1=0$ hoặc $3x+6=0$ TH1: $x-1=0$ $x=1$ TH2: $3x+6=0$ $3x=0-6$ $3x=-6$ $x=-2$ Vậy $x \in \{1; -2\}$	0,25 0,25
Bài 3 (2,0 điểm)	1	Nhiệt độ Bắc Kinh lúc 12 giờ là: $(-10) + 6 = (-4)$ (°C) Nhiệt độ Bắc Kinh lúc 20 giờ là: $(-4) - 5 = (-9)$ (°C)	0,25 0,25
	2	Gọi số sách lớp 6A quyên góp được là x (quyển), $x \in N^*$	0,25
		Theo đề bài ta có: $x \vdots 10; x \vdots 12; x \vdots 15 \Rightarrow x \in BC(10,12,15)$	0,25
		Tìm được BCNN(10, 12,15) = 60	0,25
		Do đó $BC(10,12,15) = B(60) = \{0; 60; 120; 180; 240....\}$	0,25
		Mà $150 \leq x \leq 200$ nên $x = 180$ Vậy số sách lớp 6A quyên góp được là 180 quyển.	0,25 0,25
Bài 4 (2,0 điểm)	a	Diện tích mảnh đất là: $12.10 = 120(m^2)$	0,5
	b	Diện tích trồng hoa là: $6.10 = 60(m^2)$	0,5
	c	Diện tích trồng cỏ là : $120 - 60 = 60(m^2)$ Số tiền cần trả để trồng cỏ là: $60.30000 = 1800000$ (đồng)	0,5 0,5
Bài 5 (0,5 điểm)		$2A = 2 + 2^2 + 2^3 + + 2^{2024} + 2^{2025} + 2^{2026}$ $A = 1 + 2 + 2^2 + + 2^{2024} + 2^{2025}$ $2A - A = 2^{2026} - 1$ $A = 2^{2026} - 1$	0,25
		A và B là 2 số tự nhiên hơn kém nhau 1 đơn vị nên A và B là 2 số tự nhiên liên tiếp	0,25

- Học sinh có cách làm khác đúng cho điểm tương đương.
- Điểm toàn bài làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.

Họ và tên:.....

Môn: Toán 6 - Chân trời sáng tạo

Lớp: 6....

Thời gian: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Học sinh làm bài trực tiếp vào đề kiểm tra.

Phần 1 (1,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tập hợp $A = \{x \in \mathbb{Z} | -2 \leq x < 2\}$ được viết dưới dạng liệt kê các phần tử là:

A. $A = \{-2; -1; 0; 1; 2\}$

B. $A = \{-2; -1; 0; 1\}$

C. $A = \{-1; 0; 1; 2\}$

D. $A = \{-1; 0; 1\}$

Câu 2. Tập hợp tất cả các số nguyên là ước của 3 là:

A. $\{1; 3\}$

B. $\{-1; -3\}$

C. $\{-3; -1; 1; 3\}$

D. $\{-1; 3\}$

Câu 3. Cách sắp xếp các số sau $-5; 1; 3; -2; 0$ theo thứ tự **tăng dần** nào là đúng?

A. $-5; -2; 0; 1; 3$

B. $-2; -5; 0; 1; 3$

C. $0; 1; -2; 3; -5$

D. $-5; 1; 3; -2; 0$

Câu 4. Đo chiều cao của 20 học sinh nữ trong lớp 6A ta được kết quả ghi trong bảng sau:

Chiều cao (cm)	140	145	150	155	160
Số học sinh nữ	2	10	3	4	-1

Số liệu không hợp lí ở bảng trên là:

A. 2

B. 10

C. 4

D. -1

Phần 2 (0,5 điểm). Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai. Trong câu 5, mỗi ý a) b) c) d) học sinh ghi Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống.

Câu 5. Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số cuốn sách bán được trong bốn ngày.

☐

a) Số cuốn sách ngày thứ ba bán được là 6 cuốn.

☐

b) Ngày thứ tư bán được nhiều hơn ngày thứ nhất là 25 cuốn sách.

☐

c) Tổng số cuốn sách cả bốn ngày bán được là 135 cuốn.

☐

d) Ngày thứ hai bán được ít hơn ngày thứ tư 1 cuốn.

Số sách bán được trong bốn ngày

Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	
Mỗi kí hiệu  biểu thị cho 5 cuốn sách.	

Phần 3 (0,5 điểm). Câu hỏi trả lời ngắn. Học sinh trả lời câu 6; 7 vào ô kết quả mà không trình bày lời giải.

Câu 6. Bác An uốn một sợi dây thép thành móc treo đồ có dạng hình thoi với độ dài cạnh bằng 9cm. Hỏi sợi dây thép dài bao nhiêu?

Kết quả

Câu 7. Nhiệt độ ban ngày ở thành phố Moscow nước Nga là -3°C , ban đêm nhiệt độ giảm so với ban ngày là 3°C . Vậy nhiệt độ ban đêm ở thành phố Moscow là bao nhiêu?

Kết quả

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

Bài 1 (2,0 điểm). Thực hiện các phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

a) $(-41) + 35$

b) $273 - (126 + 273) + 16$

c) $23.25 + 75.23 - 1300$

d) $100 : \{ 2. [30 - (28 + 3^3)] \}$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm x biết:

a) $26 + x = 12$

b) $2x - 11 = -22 + 5$

c) $145 - (x + 24) = 137$

Bài 3 (2,0 điểm).

1. Cho bảng dữ liệu ban đầu về sở thích của các bạn học sinh lớp 6A như sau:

S	S	B	N	N	B	N	N	C	C
B	S	S	B	B	S	C	S	S	C

(Viết tắt: Nghe nhạc: N, đọc sách: S, cầu lông: C, đá bóng: B)

a) Có bao nhiêu học sinh lớp 6A trong bảng dữ liệu trên?

b) Hãy lập bảng thống kê về sở thích của các bạn học sinh lớp 6A theo mẫu sau:

Sở thích	Nghe nhạc	Đọc sách	Cầu lông	Đá bóng
Số học sinh				

2. Một trường THCS tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm thực tế bằng ô tô. Khi xếp vào các xe 36 chỗ ngồi, xe 40 chỗ ngồi hay xe 45 chỗ ngồi thì các xe đều vừa đủ chỗ. Tính số học sinh đi trải nghiệm thực tế của trường đó? Biết số học sinh của trường đó khoảng 1000 đến 1100 học sinh.

Bài 4 (2,0 điểm). Một phòng học có nền nhà hình chữ nhật với chiều rộng 5m và chiều dài hơn chiều rộng 3m.

a) Tính chu vi và diện tích nền phòng học đó.

b) Để lát nền phòng học trên, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh là 40 cm. Hỏi phải cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền phòng học đó? (bỏ qua các mép vừa không đáng kể).

Bài 5 (0,5 điểm). Tìm số tự nhiên x sao cho $(6x + 14) : (2x + 3)$

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN LỚP 6 – HỌC KỲ I

Bộ sách: Chân trời sáng tạo - Năm học 2025– 2026

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm).

Phần 1 (1,0 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	C	A	D

Phần 2 (0,5 điểm). Trả lời đúng 1 ý được 0,1 điểm; đúng 2 ý được 0,2 điểm; đúng 3 ý được 0,3 điểm; đúng 4 ý được 0,5 điểm.

Câu 5. a) S b) Đ c) Đ d) S

Phần 3 (0,5 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	6	7
Đáp án	36 cm	-6 ⁰ C

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài	Ý	Đáp án	Điểm										
Bài 1 (2,0 điểm)	a	$(-41) + 35 = -(41 - 35) = -6$	0,5										
	b	$273 - (126 + 273) + 16 = 273 - 126 - 273 + 16 = 0 - 110 = -110$	0,5										
	c	$23.25 + 75.23 - 1300 = 23.(25 + 75) - 1300$ $= 2300 - 1300 = 1000$	0,25 0,25										
	d	$100 : \{2.[30 - (28 + 3^3)]\} = 100 : \{2.[30 - (28 + 27)]\}$ $= 100 : \{2.[30 - 55]\} = 100 : \{2.[-25]\} = 100 : \{-50\} = -2$	0,25 0,25										
Bài 2 (1,5 điểm)	a	$26 + x = 12$ Tính được kết quả $x = -14$	0,5										
	b	$2x - 11 = -22 + 5$ Tính được kết quả $x = -3$	0,5										
	c	$145 - (x + 24) = 137$ Tính được kết quả $x = -16$	0,5										
Bài 3 (2,0 điểm)	1a	Có 20 học sinh lớp 6A trong bảng dữ liệu	0,5										
	1b	Bảng thống kê về sở thích của các bạn học sinh lớp 6A <table><tr><td>Sở thích</td><td>Nghe nhạc</td><td>Đọc sách</td><td>Cầu lông</td><td>Đá bóng</td></tr><tr><td>Số học sinh</td><td>4</td><td>7</td><td>4</td><td>5</td></tr></table>	Sở thích	Nghe nhạc	Đọc sách	Cầu lông	Đá bóng	Số học sinh	4	7	4	5	0,5
	Sở thích	Nghe nhạc	Đọc sách	Cầu lông	Đá bóng								
Số học sinh	4	7	4	5									
2	Gọi số học sinh của trường đó là x (học sinh, $x \in N^*$). Theo bài ra ta có: $x \vdots 36$; $x \vdots 40$; $x \vdots 45$ Suy ra: $x \in BC(36, 40, 45)$ Tìm được $BCNN(36, 40, 45) = 2^3.3^2.5 = 360$ $BC(36, 40, 45) = \{0; 360; 720; 1080; 1440...\}$ $x \in \{0; 360; 720, 1080, 1440...\}$	0,25 0,25 0,25											

		Mà số học sinh trong khoảng từ 1000 đến 1100 học sinh nên $\Rightarrow x = 1080$ (thỏa mãn đk) Vậy trường đó có 1080 học sinh tham gia trải nghiệm.	0,25
Bài 4 (2,0 điểm)	a	Chiều dài của nền phòng học là: $5 + 3 = 8$ (m) Chu vi của nền phòng học hình chữ nhật đó là : $(5+8).2=26$ (m) Diện tích nền phòng học hình chữ nhật đó là: $5.8 = 40$ (m ²) = 400 000 (cm ²)	0,25 0,5 0,5
	b	Diện tích một viên gạch là : $40 . 40 = 1600$ (cm ²) Số viên gạch cần để lát nền nhà là: $400\ 000 : 1600 = 250$ (viên)	0,25 0,5
Bài 5 (0,5 điểm)		Có $(6x+14):(2x+3); (2x+3):(2x+3)$ Suy ra $[(6x+14)-3(2x+3)]:(2x+3)$ $[(6x+14)-(6x+9)]:(2x+3)$ $(6x+14-6x-9):(2x+3)$ $5:(2x+3)$ Suy ra $(2x+3) \in Ư(5)$ Lập luận tìm được $x = 1$	0,25 0,25

- Điểm toàn bài làm tròn đến hàng phần mười.
- Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.

Họ và tên:

Môn: Toán 6 – Cánh Diều

Lớp: 6.....

Thời gian: 90 phút**I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Học sinh làm bài trực tiếp vào đề kiểm tra.**

Phần 1 (1,0 điểm). Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án (từ câu 1 đến 4).

Câu 1. Số đối của số (-13) là

- A. -31 B. -13 C. 31 D. 13

Câu 2. Các số $2; 9; 0; -15; -4$ được sắp xếp theo thứ tự **giảm dần** là

- A. $0; 2; 9; -4; -15$ B. $9; 2; 0; -4; -15$
C. $-15; -4; 0; 2; 9$ D. $2; 9; 0; -4; -15$

Câu 3. Số nào là số nguyên âm nhỏ nhất có hai chữ số?

- A. -99 B. -11 C. -10 D. -19

Câu 4. Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?

- A. Hình vuông B. Hình thang cân C. Hình bình hành D. Hình thoi

Phần 2 (0,5 điểm). Câu hỏi trắc nghiệm đúng, sai. Trong câu 5, mỗi ý a) b) c) d) học sinh điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô trống.

Câu 5. Cho P là tập hợp các số nguyên lớn hơn -3 và không vượt quá 3 . Khi đó

- ☐ a) $P = \{-2; -1; 0; 1; 2\}$
☐ b) $P = \{x \in \mathbb{Z} / -3 < x \leq 3\}$
☐ c) Tập hợp P có 6 phần tử
☐ d) Tổng các phần tử của tập hợp P bằng 0

Phần 3 (0,5 điểm). Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời câu 6,7 vào ô kết quả mà không trình bày lời giải.

Câu 6. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Hỏi nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ buổi chiều tăng 4°C so với buổi sáng?

Kết quả

Câu 7. Một hình bình hành có độ dài đáy là 10cm và chiều cao tương ứng là 6cm . Diện tích hình bình hành này là

Kết quả

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

Bài 1 (2,0 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể).

- a) $(-64) + (-24)$
- b) $72 + (-190) + (-72) + 290$
- c) $73.45 - 21.45 + 45.48$
- d) $\left\{ \left[261 - (36 - 31)^3 \cdot 2 \right] - 9 \right\} \cdot 50$

Bài 2 (2,0 điểm). Tìm x biết:

- a) $25 - x = 18$
- b) $19 + 2x = 7^5 : 7^3$
- c) $x - 56 : 14 = 7 + (-20)$
- d) $5^x - 31 = -6$

Bài 3 (1,5 điểm).

Thầy Việt muốn chia 374 quyển vở, 68 cái thước và 340 nhãn vở thành một số phần thưởng như nhau. Hỏi thầy Việt có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, thước và nhãn vở?

Bài 4 (2,0 điểm).

Một căn phòng nhà bạn Nam có nền nhà hình chữ nhật với chiều dài 8m và chiều rộng 6m.

- a) Tính diện tích nền căn phòng đó.
- b) Bố bạn Nam muốn mua loại gạch lát nền hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi cần dùng bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó (Coi mạch nối giữa các viên gạch là không đáng kể).
- c) Biết rằng mỗi mét vuông gạch có giá 250 000 đồng. Hỏi bố bạn Nam phải cần bao nhiêu tiền để mua số gạch ở trên?

Bài 5 (0,5 điểm). Cho $5m + 3n$ chia hết cho 11 (với $m, n \in \mathbb{N}$). Chứng minh rằng $7m + 2n$ chia hết cho 11.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN LỚP 6 HỌC KỲ I (CÁNH DIỀU)
NĂM HỌC 2025 – 2026

Phần 1 (1,0 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	B	A	C

Phần 2 (0,5 điểm). Trả lời đúng 1 câu được 0,1 điểm; đúng 2 câu được 0,2 điểm; đúng 3 câu được 0,3 điểm; đúng 4 câu được 0,5 điểm.

a) S, b) Đ, c) Đ; d) S

Phần 3. (0,5 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	6	7
Đáp án	-5°C	60cm^2

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài	Ý	Đáp án	Điểm
Bài 1 (2,0 điểm)	a	$(-64) + (-24) = -(64 + 24) = -88$	0,5
	b	$72 + (-190) + (-72) + 290 = [72 + (-72)] + [(-190) + 290] = 0 + 100 = 100$	0,5
	c	$73.45 - 21.45 + 45.48 = 45.(73 - 21 + 48) = 4500$	0,5
	d	$\left\{ \left[261 - (36 - 31)^3 \cdot 2 \right] - 9 \right\} \cdot 50 = \left\{ \left[261 - 5^3 \cdot 2 \right] - 9 \right\} \cdot 50 = \left\{ \left[261 - 250 \right] - 9 \right\} \cdot 50$ $= \{11 - 9\} \cdot 50 = 2 \cdot 50 = 100$	0,25 0,25
Bài 2 (2,0 điểm)	a	$25 - x = 18$	
		$x = 25 - 18$	0,25
		$x = 7$	0,25
	b	$19 + 2x = 7^5 : 7^3$	
		$2x = 30$	0,25
		$x = 15$	0,25
	c	$x - 56 : 14 = 7 + (-20)$	
		$x - 4 = -13$	
		$x = -13 + 4$	0,25
		$x = -9$	0,25
	d	$5^x - 31 = -6$	
		$5^x = 25$	
		$5^x = 5^2$	0,25
		$x = 2$	0,25

Bài 3 (1,5 điểm)		Gọi số phần thưởng thầy Việt chia được nhiều nhất là x (phần thưởng, $x \in N^*$)	0,25
		Vì cần chia đều 374 quyển vở, 68 cái thước và 340 nhãn vở vào x phần thưởng nên $374 : x; 68 : x; 340 : x$ Mà x là nhiều nhất nên $x = \text{ƯCLN}(374; 68; 340)$	0,25
		Có $374 = 2.11.17$ $68 = 2^2.17$ $340 = 2^2.5.17$ $\text{ƯCLN}(374; 68; 340) = 2.17 = 34$ Vậy thầy có thể chia được nhiều nhất là 34 phần thưởng.	0,25
		+ Mỗi phần thưởng có số quyển vở là: $374 : 34 = 11$ (quyển)	0,25
		+ Mỗi phần thưởng có số thước là: $68 : 34 = 2$ (cái)	0,25
		+ Mỗi phần thưởng có số nhãn vở là: $340 : 34 = 10$ (chiếc)	0,25
Bài 4 (2,0 điểm)	a	Diện tích nền căn phòng là: $8.6 = 48(m^2)$	0,5
	b	Diện tích của một viên gạch là: $40.40 = 1600(cm^2) = 0,16(m^2)$	0,5
		Số gạch dùng để lát đủ nền căn phòng là: $48 : 0,16 = 300$ (viên gạch)	0,5
	c	Số tiền dùng để mua gạch là: $48.250000 = 12000000$ (đồng)	0,5
Bài 5 (0,5 điểm)		$5m + 3n : 11$ ($m, n \in N$) $\Rightarrow 8(5m + 3n) : 11 \Rightarrow 40m + 24n : 11$ $33m + 22n + 7m + 2n : 11$ Vì $33m : 11; 22n : 11$ $\Rightarrow 7m + 2n : 11$	0,25
			0,25

- Điểm toàn bài làm tròn đến hàng phần mười.

- Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.